

Số: 480 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

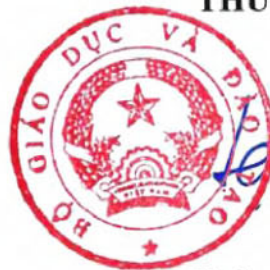
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục CNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo

*(Kèm theo Quyết định số **480/QĐ-BGDĐT** ngày **26** tháng **01** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2020/NĐ-CP); Quyết định số 2866/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP tại Bộ GDĐT, Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đến hết năm 2025, thực hiện số hóa toàn bộ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Quản lý tập trung dữ liệu kết quả giải quyết TTHC của Bộ GDĐT tại Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT, đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo số hóa 100% các kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

- Công tác số hóa kết quả giải quyết TTHC, tổ chức lưu trữ, khai thác hồ sơ điện tử hoặc thông tin số đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 4 Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong quá trình thực hiện số hóa.

- Trên cơ sở xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, sản phẩm công việc, thời hạn hoàn thành, các đơn vị liên quan cần phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong triển khai thực hiện các quy định về công tác số hóa kết quả giải quyết TTHC tại

Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo nội dung Kế hoạch đã đề ra.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Chuẩn hóa mẫu biểu toàn bộ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT.

Thời gian hoàn thành: Trước 30/06/2021.

2. Xây dựng Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT

Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT chứa đựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân và là nơi lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Xây dựng Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT trên cơ sở kế thừa, nâng cấp, phát triển trên hạ tầng kỹ thuật hiện có của Bộ; được tổ chức theo mô hình tập trung; được kết nối, chia sẻ dữ liệu số với hệ thống quản lý văn bản và điều hành (E-office), Cổng Dịch vụ công và Một cửa điện tử của Bộ và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác; được xây dựng trên nền tảng công nghệ mới nhằm tăng cường năng lực khai thác, vận hành, đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

Thời gian hoàn thành: Trước 31/08/2021.

3. Triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC tại các đơn vị, đảm bảo đúng quy định và hoàn thành trước 31/12/2025, theo lộ trình cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1 (Từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021): Chuyển đổi, chuẩn hóa, cập nhật và lưu trữ vào Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT toàn bộ kết quả giải quyết TTHC của các đơn vị đang được lưu trữ dưới dạng điện tử, đã có sẵn đầy đủ thông tin số.

b) Giai đoạn 2 (Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022): Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2020 đến năm 2021.

c) Giai đoạn 3 (Từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023): Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2018 đến năm 2019.

e) Giai đoạn 4 (Từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024): Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2017 trở về trước.

f) Thời gian dự phòng (Từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025): Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC còn lại (nếu có).

Việc thực hiện lộ trình số hóa có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại mỗi đơn vị; khuyến khích việc hoàn thành sớm hơn lộ trình được xác định tại Kế hoạch này.

4. Hàng năm, báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của các đơn vị; đánh giá, rút kinh nghiệm cho năm thực hiện kế tiếp.

(Chi tiết Danh mục nhiệm vụ và Danh mục kết quả giải quyết TTHC cần được số hóa tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan, thẩm định, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch này trong tổng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 và hàng năm theo quy định hiện hành và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

3. Cục Công nghệ thông tin chủ trì theo dõi, đôn đốc triển khai việc thực hiện Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kiến nghị với Lãnh đạo Bộ các biện pháp cần thiết để đảm bảo Kế hoạch này được thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ.

Trên đây là Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Cục Công nghệ thông tin để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Minh Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC NHIỆM VỤ SỐ HÓA KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **480/QĐ-BGDĐT** ngày **26** tháng **04** năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành | Kết quả/Sản phẩm dự kiến hoàn thành |
|-----------|--|----------------|--|----------------------|--|
| I | Khảo sát hiện trạng | | | | |
| 1 | Khảo sát hiện trạng lưu trữ kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực | Cục CNTT | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực; Văn phòng | 31/12/2020 | Bảng tổng hợp hiện trạng lưu trữ kết quả kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực theo từng đơn vị (Phụ lục 02) |
| II | Chuẩn hóa mẫu biểu toàn bộ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GDĐT | | | | |
| 1 | Rà soát, phân loại các mẫu biểu kết quả giải quyết TTHC (bao gồm các TTHC trong Phụ lục 02 và toàn bộ các TTHC khác đang còn hiệu lực) | Văn phòng | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực; Cục CNTT | 31/5/2021 | Danh mục mẫu biểu kết quả giải quyết TTHC cần được chuẩn hóa |
| 2 | Chuẩn hóa mẫu biểu toàn bộ kết quả giải quyết TTHC | Văn phòng | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực; Cục CNTT | 31/7/2021 | Danh mục mẫu biểu kết quả giải quyết TTHC đã được chuẩn hóa |

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành | Kết quả/Sản phẩm dự kiến hoàn thành |
|---|---|----------------|---|----------------------|---|
| 3 | Điện tử hóa mẫu biểu đã chuẩn hóa | Cục CNTT | Văn phòng; Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 31/8/2021 | Danh mục mẫu biểu kết quả giải quyết TTHC đã được điện tử hóa |
| III Trang bị hạ tầng, kỹ thuật, công cụ phục vụ số hóa kết quả giải quyết TTHC | | | | | |
| 1 | Xây dựng Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT | Cục CNTT | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 31/8/2021 | Hệ thống thông tin quản lý kho lưu trữ điện tử được xây dựng xong và đưa vào hoạt động |
| 2 | Xây dựng các công cụ, tiện ích hỗ trợ công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC | Cục CNTT | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 31/8/2021 | Các phần mềm tiện ích hỗ trợ công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC |
| 3 | Kết nối và chia sẻ dữ liệu số giữa Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT với Cổng Dịch vụ công và Một cửa điện tử của Bộ và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác | Cục CNTT | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 30/11/2021 | Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ với nhau |
| 4 | Tập huấn khai thác, sử dụng công cụ, tiện ích số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC | Cục CNTT | Văn phòng; Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 31/12/2021 | Người dùng các đơn vị nắm vững quy trình, cách khai thác, sử dụng công cụ số hóa, lưu trữ điện tử |

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành | Kết quả/Sản phẩm dự kiến hoàn thành |
|---|---|--|---|----------------------|--|
| | | | | | kết quả giải quyết TTHC. |
| IV Triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC | | | | | |
| 1 | Chuyển đổi, chuẩn hóa, cập nhật và lưu trữ vào Kho lưu trữ hồ sơ điện tử ngành GDĐT toàn bộ kết quả giải quyết TTHC của các đơn vị đang được lưu trữ dưới dạng điện tử, đã có sẵn đầy đủ thông tin số | Cục CNTT | Văn phòng; Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | 31/12/2021 | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa và lưu trữ theo quy định |
| 2 | Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2020 đến năm 2021 | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | Cục CNTT; Văn phòng | 31/12/2022 | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa và lưu trữ theo quy định |
| 3 | Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2018 đến năm 2019 | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | Cục CNTT; Văn phòng | 31/12/2023 | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa và lưu trữ theo quy định |
| 4 | Số hóa, cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết TTHC được hình thành từ năm 2017 trở về trước | Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC | Cục CNTT; Văn phòng | 31/12/2024 | Kết quả giải quyết TTHC được số hóa |

| TT | Nội dung thực hiện | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian hoàn thành | Kết quả/Sản phẩm dự kiến hoàn thành |
|------------------|---|---------------------|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| | | còn hiệu lực | | | và lưu trữ theo quy định |
| V Báo cáo | | | | | |
| 1 | Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của các đơn vị; đánh giá, rút kinh nghiệm cho năm thực hiện kế tiếp | Cục CNTT (tổng hợp) | Văn phòng; Các đơn vị có kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực | Định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) | Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch |

Ghi chú: Các từ ngữ viết tắt

- TTHC: Thủ tục hành chính
- CNTT: Công nghệ thông tin



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG CÒN HIỆU LỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN ĐƯỢC SỐ HÓA

(Kèm theo Quyết định số **480/QĐ-BGDĐT** ngày **26** tháng **04** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Tên thủ tục hành chính (đang còn hiệu lực, có kết quả giải quyết) | Số lượng, định dạng lưu trữ kết quả giải quyết | | | | | Ghi chú |
|-----|---|--|----------------------|---------------------------|-------------------|-------------|---------|
| | | Số lượng kết quả giải quyết | Số lượng bản điện tử | | Số lượng bản giấy | | |
| | | | Có phần mềm quản lý | File đơn lẻ trên máy tính | 1 trang | Nhiều trang | |
| I | Vụ Tổ chức cán bộ | | | | | | |
| 1 | Thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục | 10 | | 10 | | 10 | |
| 2 | Thành lập Hội đồng trường và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường đại học công lập | 29 | | | 29 | | |
| II | Vụ Giáo dục Đại học | | | | | | |
| 1 | Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo | 1 | | | 1 | | |
| 2 | Cho phép phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo | 4 | | | 4 | | |
| 3 | Cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ | 9 | | | 9 | | |
| 4 | Liên kết đào tạo trình độ đại học | 3 | | | | 3 | |
| 5 | Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, cao đẳng ngành | 352 | | | 352 | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính (đang còn hiệu lực, có kết quả giải quyết) | Số lượng, định dạng lưu trữ kết quả giải quyết | | | | | Ghi chú |
|-----|--|--|----------------------|---------------------------|-------------------|-------------|---------|
| | | Số lượng kết quả giải quyết | Số lượng bản điện tử | | Số lượng bản giấy | | |
| | | | Có phần mềm quản lý | File đơn lẻ trên máy tính | 1 trang | Nhiều trang | |
| | Giáo dục mầm non | | | | | | |
| 6 | Phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ | 23 | | | 23 | | |
| 7 | Gia hạn, điều chỉnh, hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ | 2 | | | 2 | | |
| III | Vụ Giáo dục Trung học | | | | | | |
| 1 | Công nhận tính đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | 8 | | | | 8 | |
| 2 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp | 18 | | | | 18 | |
| IV | Vụ Thi đua - Khen thưởng | | | | | | |
| 1 | Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú | 831 | | | 831 | | |
| 2 | Xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân | 80 | | | 80 | | |
| V | Cục Quản lý chất lượng | | | | | | |
| 1 | Công nhận văn bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ và bằng tiến sĩ do cơ sở nước ngoài cấp | 34.470 | 29.963 | | | 34.470 | |
| VI | Cục Hợp tác quốc tế | | | | | | |
| 1 | Tuyển sinh đi học nước ngoài bằng học bổng ngân sách Nhà nước, học bổng Hiệp định và học bổng khác do Bộ | 1.256 | 1.256 | | | 1.256 | |

| STT | Tên thủ tục hành chính (đang còn hiệu lực, có kết quả giải quyết) | Số lượng, định dạng lưu trữ kết quả giải quyết | | | | | Ghi chú |
|-----|---|--|----------------------|---------------------------|-------------------|-------------|---------|
| | | Số lượng kết quả giải quyết | Số lượng bản điện tử | | Số lượng bản giấy | | |
| | | | Có phần mềm quản lý | File đơn lẻ trên máy tính | 1 trang | Nhiều trang | |
| | Giáo dục và Đào tạo quản lý | | | | | | |
| 2 | Cử đi học nước ngoài | 248 | 238 | | 248 | | |
| 3 | Thay đổi nước đến học hoặc ngành học | 55 | 55 | | 55 | | |
| 4 | Gia hạn thời gian học tập cho lưu học sinh để hoàn thành khóa học | 232 | 232 | | 232 | | |
| 5 | Tiếp nhận lưu học sinh về nước | 321 | 305 | | 321 | | |
| 6 | Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam | 7 | | | | 7 | |
| 7 | Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện | 1 | | | | 1 | |